

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LAI VUNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2021/DS-ST**

Ngày: 22/11/2021.

“V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Phát Triển;

2. Ông: Nguyễn Chí Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Cẩm Dang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXX-ST, ngày 14/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 791/2021/QĐST-DS, ngày 05/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 810A/2021/TB-TA, ngày 04/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 884/2021/QĐST-DS, ngày 18/10/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 961/2021/QĐST-DS, ngày 04/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị Tuyết Ph, sinh năm 1970; Địa chỉ:, ấp Tân L, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn U (K), sinh năm 1980; Địa chỉ: , ấp Tân B, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Lê Thị Tr, sinh năm: 1977. Địa chỉ: ấp Tân A, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

2. Phạm Thị Mỹ H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp Tân A, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ngô Thị Kim C, sinh năm: 1969; Địa chỉ: ấp Tân L, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/12/2020; Tờ tường trình ngày 26/5/2021; Biên bản lấy lời khai của Tòa án và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết Ph trình bày:

Do quen biết với nhau nên ông Nguyễn Văn U có tham gia chơi hội với tư cách là hội viên do bà Phạm Thị Tuyết Ph làm chủ hội cụ thể như sau:

Dây hội khai lần đầu ngày 08/4/2013al, có 15 hội viên nhưng gồm 19 phần, ông Nguyễn Văn U tham gia 02 phần, trong giấy hội tên Keo là tên thường gọi của ông U và có số thứ tự là 12 và 13, hội 1 tháng khai một lần, giá hội là 3.000.000 đồng, hội huê hồng là 1.500.000 đồng. Lần khai thứ 6 ông U bỏ số tiền 670.000 đồng hót hội, số tiền hót hội sau khi trừ 1.500.000 đồng hoa hồng, còn 43.790.000 đồng, khi nhận tiền hội ông Nguyễn Văn U có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nhận tiền hội ngày 13/09/2013al. Như vậy ông U phải đóng hội chết 13 lần  $\times$  3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng. Đến lần khu thứ 7 ông U bỏ số tiền 500.000 đồng thì hót hội, số tiền hót hội sau khi trừ 1.500.000đ hoa hồng, còn 46.500.000 đồng, khi nhận tiền hội ông Nguyễn Văn U có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận, ngày 13/10/2013al. Như vậy ông U phải đóng hội chết 12 lần  $\times$  3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng. Sau khi hót hội lần thứ 2 ông U đóng hội chết được 3.000.000 đồng. Số tiền hội chết của 02 phần hội là 72.000.000 đồng thì ông U ngưng không đóng nữa. Dây hội mãn ngày 08/10/2014al. Sau đó, ông U bỏ địa phương đi, đến năm 2015 thì ông U trở về nhà, bà Phạm Thị Tuyết Ph đã nhiều lần đến nhà ông Nguyễn Văn U yêu cầu trả tiền hội nhưng ông U có hứa trả nhưng đến nay không trả nợ hội cho bà Ph.

Nay bà Phạm Thị Tuyết Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn U trả số tiền hội là 72.000.000 đồng, tiền lãi 60.480.000 đồng (tính từ 08/10/2014al đến ngày 08/10/2021al là 84 tháng, lãi suất là 1%/tháng). Tổng

cộng vốn lãi là 132.480.000 đồng. Ngoài ra bà Ph không yêu cầu ai khác cùng ông U trả số tiền trên.

Theo như biên bản lấy lời khai đương sự Nguyễn Văn U vào ngày 05/3/2021 trình bày: Ông Nguyễn Văn U thừa nhận là có tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị Tuyết Ph làm chủ, thời gian tham gia chơi hụi vào năm 2013, 2014, giá hụi là 3.000.000 đồng, ông U thừa nhận là có hốt hụi nhưng không nhớ hốt bao nhiêu, có đóng hụi chết nhưng không nhớ rõ số tiền. Qua yêu cầu của bà Ph anh Út không đồng ý và ông Nguyễn Văn U có nghe đọc biên bản lấy lời khai nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản.

Tại Biên bản lấy lời khai của Lê Thị Tr, ngày 27/5/2021 trình bày: Chị Tr không có quan hệ bà con gì với bà Ph và ông U. Chị Tr có tham gia chơi hụi do bà Ph làm chủ cách này khoảng 12 hoặc 13 năm. Dây hụi ngày 08/4/2013al do bà Ph làm chủ chị Tr có tham gia 1 phần hụi, giá hụi 3.000.000đ. Khi tham gia hụi bên chủ hụi có giao cho các hụi viên giấy danh sách hụi viên, dây hụi có 19 phần. Cách khui hụi là đến ngày khui hụi thì bà Ph điện cho các hụi viên biết ai cần hốt thì đến bỏ hụi, ai không cần hốt thì không cần đến. Chị Tr có đến khui hụi được 3,4 lần. Ông Nguyễn Văn U tên gọi ở nhà là Keo, khoảng năm 2013 tôi có nghe bà Ph nói “thằng Keo hốt hụi mà không đóng hụi lại cho tao”. Còn trong những lần đi khui hụi tôi không có gặp ông U (Keo) đến khui hụi mà chỉ nghe là bà Ph nói ông U hốt hụi không đóng hụi lại cho bà Ph. Dây hụi này hiện nay đã mất. Ngoài ra chị Tr không trình bày gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai của Phạm Thị Mỹ H, ngày 10/11/2021 trình bày: Chị H không có quan hệ bà con gì với bà Ph và ông U. Chị H có tham gia chơi hụi do bà Ph làm chủ đối với dây hụi ngày 08/4/2013al, giá hụi 3.000.000đ. Khi tham gia hụi bên chủ hụi có giao cho các hụi viên giấy danh sách hụi viên, dây hụi có 19 phần. Cách khui hụi là đến ngày khui hụi thì bà Ph điện cho các hụi viên biết ai cần hốt thì đến bỏ hụi, ai không cần hốt thì không cần đến. Chị H có đến khui hụi được vài lần. Ông Nguyễn Văn U tên gọi ở nhà là Keo có tham gia chơi dây hụi này, dây hụi này đã mất, chị H có nghe bà Ph nói “thằng Keo hốt hụi mà không đóng hụi lại cho tao”. Việc ông U nợ tiền hụi của bà Ph bao nhiêu thì chị H không biết. Ngoài ra chị H không trình bày gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai của Ngô Thị Kim C, ngày 10/11/2021 trình bày: Chị C không có quan hệ bà con gì với bà Ph và ông U. Chị C có tham gia chơi hụi do bà Ph làm chủ đối với dây hụi ngày 08/4/2013al, giá hụi 3.000.000 đồng.

Khi tham gia hội bên chủ hội có giao cho các hội viên giấy danh sách hội viên, đây hội có 19 phần. Trong những lần khai hội thì chị C có đến khai hội và thấy ông U (tên gọi ở nhà là Keo) có đến khai hội được vài lần, đây hội này đã mãi, chị C có nghe bà Ph nói “thằng Keo hốt hội mà không đóng hội lại cho tao”. Việc ông U nợ tiền hội của bà Ph bao nhiêu thì chị C không biết. Ngoài ra chị C không trình bày gì thêm.

Bị đơn Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Văn U theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn Phạm Thị Tuyết Ph cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn U tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đối với Bị đơn Nguyễn Văn U không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng của mình, luôn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn Phạm Thị Tuyết Ph. Buộc ông Nguyễn Văn U trả cho bà Phạm Thị Tuyết Ph số tiền vốn hội là 72.000.000 đồng. Đối với phần lãi yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 08/10/2014a1 đến ngày 08/10/2021a1 là 84 tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Tuyết Ph tranh chấp với ông Nguyễn Văn U số tiền 72.000.000 đồng nên Tòa án xác định đây là tranh chấp dân hợp đồng hội. Các đương sự hiện đang cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Nguyễn Văn U đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn U vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với người làm chứng Lê Thị Tr; Ngô Thị Kim C và Phạm Thị Mỹ H có đơn xin xét vắng mặt, xét thấy các đương sự đã được Tòa án lấy lời khai để làm rõ nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối những người làm chứng.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết Ph yêu cầu ông Nguyễn Văn U trả số tiền vốn hội là 72.000.000 đồng cho bà Ph theo Biên nhận nợ hội ngày 13/09/2013al và ngày 13/10/2013al. Từ khi hốt hội đến nay ông Nguyễn Văn U không đóng tiền hội chết lại cho bà Ph. Nay bà Phạm Thị Tuyết Ph yêu cầu ông Nguyễn Văn U trả số tiền vốn hội là 72.000.000 đồng, tiền lãi 60.480.000 đồng (tính từ 08/10/2014al đến ngày 08/10/2021al là 84 tháng, lãi suất là 1%/tháng). Tổng cộng vốn lãi là 132.480.000 đồng. Ngoài ra bà Ph không yêu cầu ai khác cùng ông U trả số tiền trên. Yêu cầu này được bà Ph chứng minh là “Biên nhận” nợ hội được lập vào ngày 13/9/2013al và 13/10/2013 al, trong biên nhận ông U thừa nhận có nhận tiền hội hốt và tiền hội chết phải đóng lại bà Ph, ông Nguyễn Văn U có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn U thừa nhận có chơi hội do bà Ph là chủ giá hội 3.000.000 đồng, đây hội mở khoảng năm 2013, ông U không biết có bao nhiêu người tham gia, phần hội này ông U thừa nhận là đã hốt nhưng hốt số tiền bao nhiêu không nhớ và ông U cũng không nhớ đóng hội chết là bao nhiêu. Việc ông U đóng tiền hội cho bà Ph không có làm biên nhận giấy tờ gì và cũng không

có chứng cứ gì chứng minh, bà Ph cũng không thừa nhận là ông U có đóng hụi chết cho bà Ph. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn U cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng ông U không cung cấp theo thông báo của Tòa án. Do đó, đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết Ph phù hợp. Từ những nhận định phân tích trên nên chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tuyết Ph buộc ông Nguyễn Văn U phải có nghĩa vụ trả cho Phượng số tiền vốn 72.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của bà Phạm Thị Tuyết Ph là 60.480.000 đồng (tính từ 08/10/2014al đến ngày 08/10/2021al là 84 tháng, lãi suất là 1%/tháng) là chưa phù hợp, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật với mức lãi suất là 0,83%/tháng (tính từ 08/10/2014al đến ngày 08/10/2021al là 84 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng) tiền lãi 50.198.400 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 122.198.400 đồng.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí:

Ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Bà Phạm Thị Tuyết Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 471; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Khoản 1, Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 229; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết Ph.

2. Buộc ông Nguyễn Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Tuyết Ph số tiền vốn 72.000.000 đồng, tiền lãi 50.198.400 đồng (tính từ 08/10/2014a1 đến ngày 08/10/2021a1 là 84 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng). Tổng cộng vốn, lãi là 122.198.400 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

3. Bác một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Tuyết Ph yêu cầu lãi suất là 1%/tháng, điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

5. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

5.1 Ông Nguyễn Văn U phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.109.920 đồng (Sáu triệu, một trăm lẻ chín nghìn, chín trăm hai mươi đồng).

5.2 Bà Phạm Thị Tuyết Ph phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 514.080 đồng (Năm trăm mười bốn nghìn, không trăm tám mươi đồng). Được khấu trừ số tiền 3.121.000 đồng (Ba triệu, một trăm hai mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0010663, ngày 12/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Phạm Thị Tuyết Ph được nhận lại 2.606.920 đồng (Hai triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, chín trăm hai mươi đồng).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/11/2021). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Nhung**